TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 26-6-2019
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Doãn Đức – Cán bộ hưu trí
Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 542/2018/TLST–DS ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 530/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc Rũng, sinh năm 1951.

Địa chỉ: 36/1, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ: 6F, tổ 30 (tổ 13 cũ), khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2018)

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 341/8, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn T trình bày:

Xuất phát từ sự quen biết nhau, nên ngày 19/12/2007, bà Đỗ Thị L có vay của ông Vũ Ngọc R số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi xuất hai bên thỏa thuận là 1,35%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn

vay, ông R nhiều lần liên hệ bà L yêu cầu trả tiền nhưng bà L đều né tránh, kéo dài thời gian không trả nợ gốc và lãi. Đến cuối năm 2015, bà L đã bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì. Vì vậy, ông R đã làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà L và được giải quyết bằng Quyết định số 07/2018/QĐDS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nay ông R khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị L phải thanh toán số nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính chung theo mức 9%/năm từ ngày 19/12/2007 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là: 100.000.000đồng x 11 năm 06 tháng x 9%/năm = 103.500.000đồng. Tổng cộng là 203.500.000đồng. Ngoài ra, ông R không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào để bổ sung.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho bà Đỗ Thị L đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đỗ Thị L phải thanh toán số nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 19/12/2007 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là: 100.000.000đồng x 11 năm 06 tháng x 9%/năm = 103.500.000đồng. Tổng cộng là 203.500.000đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng xét x ử vắng mặt: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 19/12/2007 và Quyết định giải quyết việc dân sự số 07/2018/QĐDS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xác định bà Đỗ Thị L sinh năm 1966, có nơi cư trú tại 341/8, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ cho bà L về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015**,** Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Vũ Ngọc R khởi kiện bà Đỗ Thị L sinh năm 1966, có nơi cư trú tại 341/8, khu phố 5B,

phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tranh chấp số tiền cho vay và tiền lãi. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19/12/2007, bà Đỗ Thị L có vay của ông Vũ Ngọc R số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng, đến ngày 28/8/2018, ông R nộp đơn khởi kiện. Sau đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà L thông báo số 348/TB-TA ngày 24/12/2018 để yêu cầu bà phải có văn bản gửi Tòa án về việc có yêu cầu áp dụng thời hiệu giải quyết vụ án hay không. Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo bà L vẫn không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của ông R vẫn còn thời hiệu khởi kiện

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc R, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Ông Vũ Ngọc R căn cứ vào chứng cứ là "Giấy nhận nợ ngày 19/12/2007" thể hiện nội dung bà L xác nhận đã mượn của ông R số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào năm 2007. Quá trình làm việc, Tòa án đã niêm yết các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thông báo, triệu tập hợp lệ cho bà L về việc thụ lý vụ án, làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó. Do đó, việc ông R khởi kiện buộc bà L phải trả số nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 19/12/2007 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 103.500.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng), tổng cộng 203.500.000 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc R buộc bà Đỗ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Vũ Ngọc R số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính chung theo mức 9%/năm từ ngày 19/12/2007 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là: 100.000.000đồng x 11 năm 06 tháng x 9%/năm = 103.500.000đồng (Một trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng), tổng cộng là 203.500.000đồng (Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.175.000 đồng.

[6] Lời phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc R.

Buộc bà Đỗ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Vũ Ngọc R số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính chung theo mức 9%/năm từ ngày 19/12/2007 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là: 100.000.000đồng x 11 năm 06 tháng x 9%/năm = 103.500.000đồng (Một trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng), tổng cộng là 203.500.000đồng (Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.175.000 đồng (Mười triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Vũ Ngọc R và bà Đỗ Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. B (02);
- Chi cục THADS TP. B (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP (03).

Nguyễn Thị Hoàng Phương